

Bản án số: **148** /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 01 / 7 /2019

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Hữu Bình**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Vũ Khánh Đại** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị N** (tức Phạm Thị H), sinh năm 1976

Địa chỉ: Tiều khu C, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức T** (tức Vũ Văn T), sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn H, xã A, thành phố T, tỉnh T. Hiện nay anh Tiến đang bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-DS ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/6/2002 tại UBND xã An Tường, huyện Yên Sơn (nay là xã An Tường, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ của anh T ở thôn H, xã A, thành phố T, tỉnh T. Theo chị N thì quá trình chung sống vợ chồng của anh chị ngay từ đầu đã phát sinh mâu thuẫn do anh T là người nghiện rượu và hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Sau những xô xát không thể giải quyết được, từ năm 2010 chị đã đưa theo con

gái chuyển đến sinh sống tại thị trấn Đ, tỉnh T. Thời gian sau đó thì thoảng anh T có đi lại thăm vợ con nhưng từ năm 2013 không thấy anh T sang với vợ con, chị cũng nghe nói anh T đã bỏ nhà đi, tuy nhiên anh T đi đâu làm gì chị không biết. Chị có hỏi thăm và tìm kiếm thông tin của anh T thông qua bạn bè, gia đình họ hàng nhưng cũng không nhận được tin tức gì. Năm 2018, chị đã có đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tuyên bố anh T mất tích. Ngày 19/11/2018, Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định số 12/2018/QĐST-DS tuyên bố anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) mất tích kể từ ngày 01/01/2014. Từ sau ngày Toà án tuyên bố anh T mất tích đến nay chị cũng vẫn để ý tìm kiếm nhưng cũng không hề có thêm thông tin gì về anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T). Nay chị xác định anh T mất tích đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng của chị với anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T).

Về con chung: Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) có 01 con gái chung tên là Vũ Thị V, sinh ngày 04/6/2004 hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Thị V sau ly hôn, chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con do hiện anh T đang mất tích.

Về tài sản và vay nợ chung: Chị Phạm Thị N xác định chị và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn Tiến) chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, do anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) đang bị Toà án tuyên bố mất tích, kết quả xác minh thể hiện không thấy anh T trở về địa phương và cũng không có thêm thông tin gì về anh T. Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) và xin nuôi con Vũ Thị V, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ra chị không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang bị tuyên bố mất tích nên không có mặt tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/6/2002 tại UBND xã An Tường, huyện Yên Sơn (nay là xã An Tường, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn không còn tình cảm dẫn đến ly thân từ năm 2010, từ năm 2013 cho đến nay anh T mất tích. Căn cứ Điều 56 Luật HN&GD, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N và giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vũ Thị V sau ly hôn. Về tài sản và vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự xác định không có và không yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị N phải chịu án phí của vụ án; tuyên các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) không có mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 15/6/2002, như vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng dần không còn tình cảm do phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến ly thân và sau đó anh T mất tích, chị N có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thấy anh T trở về địa phương và cũng không có thông tin gì về anh T. Vụ án thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở cho thấy hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do anh T mất tích đã lâu. Căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) được ly hôn với anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T).

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) và anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) có 01 con chung hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được là người tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T đang là người bị mất tích. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chưa thành niên nên chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao con chung là Vũ Thị V, sinh ngày 04/6/2004 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị N không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Phạm Thị N xác định vợ chồng anh chị chung sống không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 85, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, khoản 1 Điều 73, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) được ly hôn anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T).

2. Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Thị V sinh ngày 04/6/2004 cho chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn (do hiện tại chị N không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000209 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) không phải nộp án phí.

Chị Phạm Thị N (tức Phạm Thị H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Anh Vũ Đức T (tức Vũ Văn T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã An Tường, Tp Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

Báo cáo xét xử vụ án HNGĐ

Hồi 8h ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang

Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Hữu Bình**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên toà:* **Nguyễn Thị Hoài Hương**

- *Đại diện Viện kiểm sát* **Vũ Khánh Đại.**

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngó** (tức Phạm Thị Hải), sinh năm 1976

Địa chỉ: Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức Tiến** (tức Vũ Văn Tiến), sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Hưng Kiều 1, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện nay anh Tiến đang bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 12/2018/QĐST-DS ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) và anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/6/2002 tại UBND xã An Tường, huyện Yên Sơn (nay là xã An Tường, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh Tiến tại thôn Hưng Kiều 1, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Theo chị Ngó thì quá trình chung sống vợ chồng của anh chị ngay từ đầu đã phát sinh mâu thuẫn do anh Tiến là người nghiện rượu và hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Sau những xô xát không thể giải quyết được, từ năm 2010 chị đã đưa theo con gái về sống tại nhà bố mẹ chị ở thị trấn Du, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian sau đó thì thoảng anh Tiến có đi lại thăm vợ con nhưng từ năm 2013 không thấy anh Tiến sang với vợ con, chị cũng nghe nói anh Tiến đã bỏ nhà đi, tuy nhiên anh Tiến đi đâu làm gì chị không biết. Chị có hỏi thăm và tìm kiếm thông tin của anh Tiến thông qua bạn bè, gia đình họ hàng nhưng cũng không nhận được tin tức gì. Năm 2018, chị đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tuyên bố anh Tiến mất tích. Ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định số 12/2018/QĐST-DS tuyên bố anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) mất tích kể từ ngày 01/01/2014. Từ sau ngày Tòa án tuyên bố anh Tiến mất tích đến nay chị cũng vẫn để ý tìm kiếm nhưng cũng không hề có thêm thông tin gì về anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến). Nay chị xác định anh Tiến mất tích đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng của chị với anh Tiến không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến).

Về con chung: Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) và anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) có 01 con gái chung tên là Vũ Thị Vân, sinh ngày 04/6/2004 hiện đang do chị Ngó trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngó xin được tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Thị Vân sau ly hôn, chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con do hiện anh Tiến đang mất tích.

Về tài sản và vay nợ chung: Chị Phạm Thị Ngó xác định chị và anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, do anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) đang bị Tòa án tuyên bố mất tích, kết quả xác minh thể hiện không thấy anh Tiến trở về địa phương và cũng không có thêm thông tin gì về anh Tiến. Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Đề xuất hướng xét xử vụ án

Áp dụng các Điều 28, 35, 85, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, khoản 1 Điều 73, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) được ly hôn anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến).

2. Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Thị Vân sinh ngày 04/6/2004 cho chị Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn (do hiện tại chị Ngó không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000209 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Phạm Thị Ngó đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) không phải nộp án phí.

Chị Phạm Thị Ngó (tức Phạm Thị Hải) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Anh Vũ Đức Tiến (tức Vũ Văn Tiến) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thẩm phán báo cáo

Đào Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thảo - Đỗ Mạnh Châm

Tạ Hồng Chiến